

Ex 1: Look at the pictures. Ask and answer.

Example:  A: your sister / make a cake? → Is your sister making a cake? B: Yes, she is.	1  A: your friend / swim? _____ B: _____	2  A: they / listen to music? _____ B: _____
3  A: Mi / play the piano? _____ B: _____	4  A: they / learn English? _____ B: _____	5  A: your friends / cycle to school? _____ B: _____

Ex 2: Put the verb in brackets in the *present continuous*.

- Nam (read) _____ a book now.
- They (play) _____ football at the moment.
- My sister (not make) _____ a sandwich at present.
- I (go) _____ to the supermarket at the moment.
- _____ hey (talk) _____ about their new friends?

Ex 3: Look at the pictures. Use *positive* or *negative present continuous* verbs.

(Sử dụng dạng khẳng định và phủ định của thì hiện tại tiếp diễn.)

Example: *She's talking to Mai. (talk)*

(Ví dụ: Cô ấy đang nói chuyện với Mai.)



1. Nam and Ba _____. (eat ice cream)
2. Lan and Trang _____. (take photos)
3. Ha _____. (write a letter)
4. Duong and Hung _____. (play badminton)
5. Phong _____. (draw a picture)

Ex 4: Put the verbs in brackets in the *present simple* or *present continuous*.

(Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại đơn hoặc thì hiện tại tiếp diễn.)

1. My best friend (not walk) _____ to school every day. Sometimes she (cycle) _____.
2. Look! What _____ he (play) _____?
3. _____ your friends (study) _____ in the library every afternoon?
4. I (write) _____ an email to my friend now.
5. He (not do) _____ his homework now. He (read) _____.